TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:106/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11-8-2022. V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Bình.

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 7 và ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987 (vắng mặt có đơn xin vắng);

Nơi cư trú: Số 238, ấp 1B, xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1996 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: Số 945, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày*: Trước khi kết hôn do mai mối quen biết rồi mới tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu ngày 21/11/2018. Trong quá trình chung sống thì không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, cải vả về kinh tế gia đình,

làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân bản thân anh H và chị T, cũng như gia đình hai bên không có gặp mặt để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy thời gian ly thân đã dài hơn 03 năm, không thể hàn gắn được nữa nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T, con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn* chị Nguyễn Thị Bé T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh H, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nên tòa án không T thập được lời khai, ý kiến của chị T về yêu cầu khởi kiện của anh H.

- Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T, con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé T, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay anh H yêu cầu ly hôn với chị T, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị T vắng mặt lần thứ 2 không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn vắng mặt có lý do, bị

đơn chị T cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống xuất phát từ mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên không thể hàn gắn đoàn tụ.

Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đở, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa anh H và chị T không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh H và chị T đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị T đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng chị T không đến, từ đó cho thấy chị T không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh H.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị Bé T phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị Bé T, cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010227 ngày 01/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, anh H không phải nộp thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- UBND xã A;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ